

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/HSST
Ngày 27/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Dũng - Nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Phòng tư pháp huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

2 Ông Trần Quang Chương - Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lê Việt Hòa - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 27/6/2017, tại nhà văn hóa thôn Tân Lợi, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 27/4/2017 đối với bị cáo:

Trần Văn T - Sinh ngày: 02/9/1971 tại xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; ĐKKH: Thôn Tân Lợi, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Nơi ở trước khi bị bắt: Thôn Hợp Xuân 2, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông Trần Văn Thử (đã chết) và bà Đỗ Thị Vóc - sinh năm 1933 hiện trú tại: thôn Tân Lợi, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Bị cáo T chung sống như vợ chồng với chị Lê Thị Minh Phương - sinh năm: 1982 từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện tại không còn chung sống cùng nhau, bị cáo T và chị Phương có một con chung - Sinh năm: 2008.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, Quyết định số 30/2016/QĐ-TA ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn T,

thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện là 12 tháng kể từ ngày 19/01/2016, ngày 17/01/2017 Trần Văn T được tái hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/3/2017 và tạm giam từ ngày 22/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Bà Đỗ Thị Lan Oanh là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 14 giờ 10 phút ngày 16/3/2017 tại tổ dân phố Phú Thành 3, thị trấn Phố Lu, Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T đang có hành vi tàng trữ 01 gói nhỏ bằng mảnh nilon màu đen, bên trong chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục, có trọng lượng 7,52 gam. Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận: bản thân T là người nghiện ma túy, mặc dù vừa đi cai nghiện tập trung trở về nhưng lại tái nghiện. Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 16/3/2017, T đi xe ôm của anh C từ Xuân Giao đến thị trấn Phố Lu, đến nơi T đi cho anh C 20.000 đồng bảo đi đổ xăng, mục đích để anh C không biết việc T đi mua ma túy. Sau đó, T gặp một người phụ nữ không quan biết và đã hỏi mua ma túy. Người phụ nữ này đã bán cho T một gói Heroine với giá 4.000.000. Khi đang trên đường đi về thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 73/GĐMT ngày 18/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định 7,52 gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Trần Văn T ngày 16/3/2017 là Heroine.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 25/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Khoản 3 Điều 7 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tuyên tịch thu để tiêu hủy 7,01gam Heroine còn lại sau giám định, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế,

do là người nghiện ma túy nên T đã mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Khoản 3 Điều 7 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng của vụ án, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận do nghiện chất ma túy nên ngày 16/3/2017, T đã mua 7,52 gam Heroine để tàng trữ sử dụng dần cho bản thân, sau đó T bị Công an huyện Bảo Thắng phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật vụ án và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Kháng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo ra trước toà hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và vi phạm nghiêm trọng pháp luật của Nhà nước nên đối với bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo Trần Văn T là người có nhân thân xấu: Năm 2006 và 2011, Trần Văn T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Năm 1993 Trần Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và tội “Trộm cắp tài sản công dân”; Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 36 tháng tù về tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo Trần Văn T đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của các bản án nêu trên, tính đến thời điểm xét xử thì bị cáo Trần Văn T thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi bị bắt và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật. Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T thuộc trường hợp được áp

dụng quy định có lợi cho người phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Khoản 3 Điều 7 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người phụ nữ không quen biết, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ bán ma túy cho T nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn T 7,52 gam Heroine. Sau khi giám định, cơ quan giám định đã sử dụng hết 0,51 gam nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Số Heroine còn lại sau giám định là 7,01 gam, đây là vật chứng mà Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với anh C là người chở xe máy cho bị cáo T từ xã Xuân Giao đến thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, quá trình điều tra, anh C khai không biết việc T đi mua ma túy nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là người nghiện ma túy nên xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

Áp dụng điểm h Khoản 2 Điều 194, Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu để tiêu hủy: 7,01 gam Heroine được niêm phong bằng 01 phong bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Mặt trước có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Trần Văn T có hành vi phạm tội về ma túy, phát hiện và thu giữ ngày 16/3/2017 tại tổ dân phố Phú Thành 3, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai”.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng (2);
- PC 81; Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Thi hành án (2);
- Lưu hồ sơ,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng (2);
- PC 81; Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Thi hành án (2);
- Lưu hồ sơ,TA,THS,VP.

Nguyễn Thị Hoàng Liên